

Thiền sư Thích Phổ Tụ với Sơn môn Tế Xuyên

ISSN: 2734-9195 09:14 25/09/2026

Cuộc đời và sự nghiệp của Ngài không chỉ để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử sơn môn Tế Xuyên mà còn góp phần quan trọng vào tiến trình duy trì, phát triển Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Tác giả: **Nguyễn Huy Khuyến (1) - Phạm Ngọc Phương Thủy**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Tóm tắt: Năm 1926, Thiền sư Thích Phổ Tụ, vị tổ thứ 3 của chùa Bảo Khám đã về với đức Phật. **Cuộc đời và sự nghiệp** của Thiền sư có nhiều đóng góp đối với sơn môn. Về việc xây dựng mở mang các chùa Lương Khê, Nga Khê, Tân Hưng, Tế Cát, Văn Xá, Mai Xá, Cao Đà, Thượng Nông, Đoan Bản, Long Khánh. Về việc san khắc kinh sách phục vụ cho việc đào tạo tăng tài Thiền sư cũng đã dày công cho khắc in nhiều bộ kinh, hiện nay còn lưu truyền ở đời. Những bộ Quy Nguyên, Tục khắc Trùng Tri, khắc mới bộ Tỳ khiêu ni sao cùng bộ Di Đà viên trung Tịnh độ. Nhân kỷ niệm 100 năm ngày Tổ thị tịch, chúng tôi xin được lược khảo lại hành trạng và những đóng góp của Tổ đối với sự nghiệp đào tạo tăng tài, phát triển sơn môn, xây dựng chùa cảnh. Công lao của Tổ có đóng góp rất lớn cho Phật giáo nước nhà.

Từ khóa: Tổ Phổ Tụ, In ấn kinh sách, đào tạo tăng tài, Tế Xuyên, Bảo Khám

1. Hành trạng Thiền sư Thích Phổ Tụ

Tổ sinh năm 1844 ở Xã Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Về hành trạng của tổ Phổ Tụ, văn bia Bảo Khám tự kỷ niệm tiền tu công đức do Sa môn Thanh Hải dựng ngày tốt tháng 5 năm Đinh

Sử triều vua Bảo Đại thứ 12 (1937) có ghi:
[]
[]
[]
[] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] [] []



- Đệ tam đẳng tổ sư, nãi Nam Định, Xuân Trường, Hải Hậu, Quần Phương Trung xã nhân, Đoàn thị dã. Đồng niên xuất gia đầu tự Quần Phương Hạ xã tự, y chiếu sĩ tổ sư thế phát. Tái đầu Long Đọi y Văn Bối tôn sư [nãi Đọi Sơn đệ lục đẳng tổ sư]. Hậu lai tái đầu vu Hải Yến xã Hồng Ân y đệ tứ tổ, tức Bảo Khảm đệ nhị đẳng tổ dã. Tự thủ thiền môn sư đệ châm giới cơ đầu, đạo học uyên thâm, tông phong chấn tiếp. Cập kế trụ Bảo Khảm tự, ư Kỷ Sửu niên gian trùng tu phạm vũ, cung chú Di Đà Phật, Quan Âm Thế Chí, Bồ Tát thánh tượng. Canh Tý thu, tân tạo chung các, sáng lập tổ đường trang nghiêm tự sự. Cập giảng đường, tăng xá nhất giai hoàn hảo. Trùng san Quy Nguyên, tạc khắc Trùng Trị, tân san Tử khiêu ni sao cập Di Đà viên trung Tịnh độ. Khai tràng thuyết pháp, tiếp ngộ độ mê, đức trọng thiền lâm, tức triêm hải chúng. Nhi khai hóa hạt nội các xứ như Lương Khê, Nga Khê, Tân Hưng, Tế Cát, Văn Xá, Mai Xá, Cao Đà, Thượng Nông, Đoan Bản, Long Khánh đẳng sở. Tự kế trú Bảo Khảm chí Niết bàn ngũ thập dư niên, thế thọ bát thập tam, tăng lạp lục thập tứ. Ư Khải Định Bính Dần thu bát nguyệt thập thất nhật kỳ tịch.

Tổ sư đời thứ ba, sư họ Đoàn, người xã Quần Phương Trung, huyện Hải Hậu, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Lúc nhỏ xuất gia vào chùa ở xã Quần Phương Hạ, nương bóng Tổ sư xuống tóc. Lại nương nhờ vào tôn sư Văn Bối chùa Long Đọi (Vốn là tổ kế đăng đời thứ 6 chùa Đọi Sơn). Về sau lại nương nhờ tổ thứ 4 chùa Hồng Ân xã Hải Yến(2), tức là tổ đời thứ 2 chùa Bảo Khảm. Từ đó, thầy trò chốn thiền môn khăng khít hiếm hoi, đạo học uyên thâm, tông phái vững mạnh nối tiếp. Đến khi tiếp trụ trì chùa Bảo Khảm năm Kỷ Sửu (1937) trùng tu chùa, cung kính đúc tượng Phật Di Đà, Quan Âm Thế Chí, Thánh tượng Bồ Tát. Mùa thu năm Canh Tý, dựng mới gác chuông, lập thêm nhà Tổ trang nghiêm để phụng thờ. Tiếp đó dựng giảng đường, nhà Tăng tất cả đều hoàn hảo. Lại khắc lại bộ Quy Nguyên, khắc tiếp bộ Trùng Trị, khắc mới bộ Tỳ khiêu ni sao cùng bộ Di Đà viên trung Tịnh độ. Khai tràng thuyết pháp, tiếp ngộ độ mê, trở thành bậc đức trọng trong chốn Thiền môn, ơn thấm đẫm khắp chúng tăng. Tổ lại khai hóa các chùa ở trong hạt như: Lương Khê, Nga Khê, Tân Hưng, Tế Cát, Văn Xá, Mai Xá, Cao Đà, Thượng Nông, Đoan Bản, Long Khánh. Từ lúc kế nhận trụ trì chùa Bảo Khảm

đến khi nhập Niết bàn là hơn 50 năm, thọ 83 tuổi, tăng lạp 64 năm. Tổ thị tịch ngày 7 tháng 8 mùa thu năm Bính Dần (1926) niên hiệu Khải Định.

Khi Tổ thị tịch nhiều sơn môn, các chùa đã gửi câu đối phúng điếu, trong đó có bài điếu của học trò về Thầy.



Than ôi!

Chùa Bảo Khâm sương bay lác đác, cửa từ bi tỏ nẻo ra vào; Sông Long Xuyên gió thổi ào ào, thuyền Bát Nhã thuận buồm xuôi nước. Thấp thoáng ngựa qua cửa sổ, ai bày trò bãi bể ngàn dâu; Mơ màng hạc ruổi đường mây, ai tỏ nẻo non bông nước nhược. Ngẩn ngơ thay một giấc Hoàng Lương; Ngao ngán nhẽ đôi đường phân biệt.

Nhớ tổ xưa:

Hải Hậu quê nhà, Quần Phương đất nước.

Buổi thiếu niên mộ đạo tham thiền;

Chùa Xã Hạ theo thầy thụ nghiệp.

Ba năm rồi nương cửa Hồng Ân;

Mười tám tuổi lên ngôi ứng pháp.

Miền cố quận cũng là duyên phúc;

Chùa Tế Xuyên xứng cảnh vui vầy.

Xứ Bắc Kỳ nức tiếng danh lam;
Đường tụng niệm tu hành đạo đức.
Ba tháng hạ môn đồ thụ giáo,
Tam tạng kinh nghĩa tổ nông sâu;
Chín tuần thu tăng chúng tụng trì, mười tịch pháp văn minh quảng bác.
Đã nhiều phen tô tượng đức chuông;
Lại nhiều lúc khắc kinh xây gác.
Công đức to như non Thái, khắp năm châu hồ để ai bằng;
Từ bi xem dường bể sâu, vàng mười lạng khôn lường mò được.
Số hạ năm mươi có lẽ, cửa thiền chắc hẳn không hai;
Xuân thu tám mươi có thừa, nước Phật sao đà vội rước.
Từ nay:
Tôi rời cây cỏ, cảnh vắng người cảnh vật không vui;
Lạnh lẽo chùa chiền, hoa vắng chủ hoa đường xơ xác.
Ai nỡ bảo tiếng kệ câu kinh.
Ai khuyên răn tu hành trác lạc.
Thôi thì thôi:
Sinh hóa là thường, âm dương đôi ngả.
Nói chẳng hết lời, kể thêm buồn dạ.
Sụt sùi trước màn than thở, gọi là một trận hương thơm.
Giác linh cõi Phật tiêu dao, biết có thấu tình chẳng tá.
Cẩn cáo!
Theo khoa cúng tổ chùa Tế Xuyên Bảo Khám
Cung duy!

Nam mô Tịnh Quang tháp Ma ha Sa môn pháp tự Phổ Tụ Thích Hoàn Hoàn luật
sư nhục thân Bồ tát Thiên tọa hạ (bát nguyệt thập thất nhật viên tịch).

Duy nguyện!

Sinh hoàng tì ni tử quy an dưỡng

Xuất gia học đạo năng sự tắc tảo

Thỉnh giáng thiền sàng chứng minh công đức.

Hương hoa thỉnh

Cẩn vận chân hương chí tâm bái thỉnh

Hà Nam tiếp chân truyền, Nam Xương thành cố quận, địa hưng đồng Lý Nhân
phong, chung đạo mạch chi tinh. Đức trấn Mai Hiên dương liễu, ấm từ vân chi
túy.

Quần chân thể xuất, luyến đàm hoa nhi liên nhị di hình. Như ảo nhân sinh, hi
Phật quả nhi hài duyên kết hợp.

Thị dĩ hồng trần viễn tỵ, Bát Nhã thoan đăng.

Phương tư Hải Yến hàm thanh, Tế Xuyên hữu độ.

Tín nhập từ bi chi thất, nhậm phi giải thoát chi y.

Giới thể quang viên, tâm châu ánh nhược.

Sự sư lịch Hồng Ân, Bảo Khâm liệt đại cao tăng. Tham phỏng thấu Vĩnh Nghiêm,
Bồ Đề hồng đồ pháp tịch.

Thân sao cú pháp, tâm giải vô sư. Cập kỳ ứng thế hưng duyên Văn Xá, Nam Xá,
Tế Cát, Tế Xuyên, Phật tượng, Tự đường tịnh đỉnh tân nhi cách cố. Hựu nhược
san kinh ấn thí Bảo huấn, Tăng hộ, Tâm tạng, Địa tạng tự hành tha hóa, đối
hiệu bản dĩ trùng tân.

Thời nhi Phật giáo chấn hưng, ứng trụ tùng lâm Quán Sứ.

Kim ngôn sơ xướng, lô hỏa phương hồng.

Chính đương cách mệnh phong trào

Phản đế bài phong nhi nhiệt tâm ái quốc.

Khánh hỉ hòa bình thống nhất, tự do dân chủ nhi phụng đạo tinh minh.

Lợi sinh nhi cấp vụ vu cần, tổ đình trừ mậu

Tế chúng chi bà tâm thái thiết, khám thất huy hoàng.

Quy linh tử thọ chúc vô cương, hạc toán tri niên ca hữu khánh.

Mậu Tuất [tr.33] tuế Sa bà nguyện mãn, chứng đại Bồ đề

Kiến tỷ trung cực lạc duyên thành, vinh giai bất thoái.

2. Thiền sư Thích Phổ Tụ cùng các hoạt động với chùa Bảo Khâm và Sơn môn Tế Xuyên

Thiền sư Thích Phổ Tụ (1844 - 1926), trong 26 trụ trì chùa, Tổ tập trung vào các hoạt động chính như sau:

1. *Công tác trùng tu tôn tạo, xây dựng cảnh chùa:* Năm Kỷ Sửu (1889), Tổ cùng Tôn sư hưng công tu bổ, xây dựng các công trình như: đúc tượng Di Đà, Thế Chí, Quan Âm, tạo mới Tổ đường; tu sửa gác chuông, Tăng phòng, Khách xá, Hành lang.

2. *Công tác khắc ván in ấn kinh sách:* Tổ Phổ Tụ kế tục sự nghiệp của tổ thứ nhất là Thiền sư Thích Từ Tế, tự Tịch Viên (1790 - 1864), và tổ thứ hai Thiền sư Thích Không Không, tự Chiếu Chí (? - 1890), cho khắc tiếp bộ Quy nguyên trực chỉ âm nghĩa, Trùng trị Tì ni sự nghĩa tập yếu; khắc xong bộ Di Đà lược giải viên trung sao; cho in ấn bộ Tỷ khiêu ni luật chỉ,...

3. *Công tác phật sự:* Tập trung vào việc khai tràng thuyết pháp truyền bá tư tưởng, giáo lý của Phật đến chúng tín đồ phật tử giúp cho việc tu thiền được thuận lợi. Chính từ hoạt động hoằng dương chính pháp này, Ngài được tăng ni khắp nơi ngưỡng mộ, nhiều người tìm về chốn tổ Bảo Khâm để tham cầu đạo học. Ngài được thế hệ sau ca ngợi là người "am tường kinh điển Phật giáo, đạo hạnh sáng rõ", "là người có đức lớn trong rừng Thiền, ơn tưới khắp chúng sinh".

4. *Công tác mở rộng sơn môn:* Trong thời gian trụ trì chùa Tế Xuyên, tổ Phổ Tụ đồng thời trông nom Phật sự, kiêm nhiệm trụ trì các ngôi chùa khác như: Lương Khê, Mai Xá, Thượng Nông, Nga Khê, Tế Cát, Tân Hưng, Văn Xá, Cao Đà, Đoan Bản,... Đồng thời, Ngài mở rộng giao lưu với các tăng sĩ của các sơn môn, tổ đình ở miền Bắc và các trí thức đương thời.

Tổ Phổ Tụ là hình ảnh rõ ràng nhất, sáng nhất và xuất sắc nhất của việc "truyền đăng tục diệm" giữa thế hệ trước với thế hệ sau.



Tịnh Quang tháp - Ảnh: Tác giả

Trong khoa cúng có phần diễn Nôm về hành trạng và công lao Tổ Phổ Tụ đối với sơn môn Tế Xuyên:

Tổ thứ ba người Quần Phương in dấu

Phủ Xuân Trường, Hải Hậu xã trung

Xuất gia từ thuở Hình đồng

Đoàn gia lệnh tộc vốn dòng hiền

lương Chùa Xã Hạ thời thường chấp tác

Theo tăng hành thế phát quy y

Hầu ngài Chiếu Sĩ thiền sư
Nhân duyên chưa hợp cáo từ xin ra
Chí cầu đạo đường xa không ngại
Lên Đọi Sơn học hỏi đạo huyền
Gặp ngài Văn Viên cao niên
Là tổ thứ sáu sơn môn đứng đầu
Mẫn cần phá đạo màu u hiển
Lại sang chùa Hải Yến Hồng Ân
Hầu thầy học đạo chuyên cần
Sư sinh khế hợp tâm thần tinh hoa
Đủ mười giới phẩm cao lãnh thụ
Pháp Thiền tông quy củ chân truyền
Cùng về Bảo Khám Tế Xuyên
Miền Nam Lâm Tế đạo thiền hiển dương
Năm Kỷ Sửu (3) hưng công tu bổ
Tòa Phật đài củng cố thi công
Tiếp sau tượng Phật đức đồng
Di Đà, Thế Chí, Quan Âm ba tòa
Năm Canh Tý (4) mùa xuân tái tạo
Dựng gác chuông, tân tạo
Tổ đường Tăng phòng, Khách xá, Hành lang
Gia công tô điểm đạo tràng trang nghiêm
Lại tục khắc Quy Nguyên, Trùng Trí
Tỷ khiêu ni luật chỉ ấn hành

Viên trung, Tịnh độ khắc thành
Khai tràng thuyết pháp độ nhân tu thiền
Tăng ni khắp các miền ngưỡng mộ
Có nhân duyên chốn tổ tìm về
Bè từ tiếp ngộ độ mê
Ứng thân đất Việt, Bồ đề túc duyên
Khắp dân chúng hương thôn ngưỡng vọng
Đem phúc duyên cảnh cúng quy y
Cử người chấp cảnh trụ trì
Lương Khê, Mai Xá (5) đồng thời Thượng Nông (6)
Cảnh Nga Khê (7) cùng trong bản huyện
Tế Cát thời thuận tiện trông coi
Tân Hưng (8), Văn Xá (9) nơi nơi
Cao Đà (10), Đoan Bản tùy thời hưng công
Từ kế vị Thiền tông Bảo Khám
Năm mươi năm ngày tháng có thừa
Tuổi đời thượng thọ tám ba
Tính ra tuổi Hạ cũng vừa sáu tư
Năm Bính Dần(11) an cư sau Hạ
Tự tứ (12) xong chứng quả Niết bàn
Tùng lâm, Thất chúng sào nhẵn
Tưởng như Bắc Đẩu, Thái Sơn sạt rời.

Theo như ghi chép của văn bia, trong thời gian trụ trì chùa, tổ Phổ Tụ đã thực hiện nhiều công việc Phật sự quan trọng như: Trùng tu tôn tạo, xây dựng cảnh chùa; in ấn, phát hành kinh sách; truyền bá chính pháp; đào tạo tăng tài; mở rộng sơn môn,... Bên cạnh đó, tổ Phổ Tụ còn mở rộng mối quan hệ thâm giao,

trao đổi chính pháp với nhiều chốn tổ khác như: Vĩnh Nghiêm Đào Xuyên, Bồ Đề, La Sơn, Sùng Khánh, Đọi Sơn, Chân Quỳnh, Hương Tích, Đa Bảo, Hội Xá, Vân Trai, Thọ Ngải, Linh Súc, Bình Vọng, Hoa Lâm cho tới... Viện Viễn Đông Bác cổ.

3. Giới thiệu một số bài Tựa kinh sách do tổ cho san khắc

Theo văn bia còn lưu tại chùa cho biết, Thiền sư Thích Phổ Tụ đã cho khắc lại bộ Quy Nguyên, khắc tiếp bộ Trùng Trị, khắc mới bộ Tỷ khiêu ni sao cùng bộ Di Đà viên trung Tịnh độ. Đáng chú ý, năm Khải Định thứ 8 (1923), ngài đã giao nhiệm vụ cho hai vị đệ tử là Hòa Tâm An và Hòa Thông Tập đến Viện Viễn đông Bác cổ chép về bộ Di Đà viên trung sao từ Đại tạng Thích giáo. Năm Thành Thái thứ 8 (1896), Hòa thượng Phổ Tụ khắc xong ván bộ Duy thức; đầu năm Nhâm Tý (1912), nhờ sự hợp tác với người của các sơn môn Vĩnh Nghiêm, Đa Bảo và Tế Xuyên, hoàn thành ba tập của bộ Quy nguyên. Khi Đại Tạng kinh của Nhật Bản được đưa sang Viện Viễn đông Bác cổ, Hòa thượng Thanh Hanh (tổ đình Vĩnh Nghiêm) và Sa môn Phổ Tụ lại gặp được đủ bộ Trùng trị Tỷ ni sự nghĩa tập yếu và bộ Di Đà lược giải viên trung sao. Họ xin chép về khắc ván nối thêm 8 quyển Trùng trị để hợp với 10 quyển với những quyển mà thế hệ trước đã khắc, cùng hợp thành bộ Luật đầy đủ. Đồng thời, Hòa thượng cũng cho khắc bộ Di Đà viên trung sao. Như vậy, đến năm Ất Sửu (1925), Hòa thượng đã hoàn thành một bộ để hoàng dương giới luật, một bộ để hoàng dương Tịnh độ.

Công việc in ấn, lưu hành kinh sách của chư Tổ không chỉ đơn thuần dừng lại ở việc sưu tầm, san khắc, giải nghĩa, từ biên soạn và xuất bản; việc lưu hành kinh sách cũng không phải dừng lại ở việc lấy đó làm phương tiện giáo hóa, công cụ giáo hóa, mà ẩn sâu trong đó là cả một nhiệm vụ, một kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao tri thức Phật học cho thế hệ tăng tài kế tiếp.

- Theo bia truyền đăng thì người san khắc Tứ phần luật Tỷ khiêu ni sao là Đệ tam tổ Thích Phổ Tụ. Trang cuối của sách cho biết, tổng cộng có 6 quyển (không tính quyển thủ), 268 tờ, khắc từ năm Mậu thìn (1928) đến năm Kỷ ty (1929) thì khắc xong. Tàng bản chùa Bảo Khâm.

- Di Đà lược giải viên trung sao

Xét về Đức Thế Tôn ra đời thuyết pháp độ sinh, đều dùng ba tạng Thánh giáo làm chỉ nam. Nhưng trong ba Tạng giáo, lại đặc biệt mở ra một cửa Tịnh độ, lấy đó làm đường tắt tu hành, làm phương tiện tối thắng bậc nhất. Xét những kinh chuyên bàn về Tịnh độ, tóm lại có ba: 1. Kinh Đại bản Di Đà, chuyên về nguyện. 2. Kinh A Di Đà, chuyên về niệm. 3. Kinh Quán Phật Vô Lượng Thọ, chuyên về

quán tưởng.

Còn những kinh kiêm bàn Tịnh độ thì nhiều không kể xiết. Thế nên, cả ba kinh Tịnh độ đều lưu hành, nhưng người xưa chỉ lấy kinh Di Đà làm khóa tụng hàng ngày. Đó há chẳng phải một phép trì danh lợi khắp ba căn, tóm thâu sự, lý không sót, thống nhiếp cả Tông lẫn giáo hay sao? Như thế lại càng không thể nghĩ bàn vậy. Kinh Di Đà này, người đời chú sớ rất nhiều, nhưng nay còn lại không được bao nhiêu. “Sớ sao” của tổ Vân Thê rộng lớn tinh vi; “Viên Trung sao” của ngài U Khê cao sâu rộng lớn; cho đến sách “Yếu giải” của tổ Ngẫu ích thì từ nghĩa giản dị và nghiêm tịnh bao quát dung thông cả sự lý, thực là thiết yếu. Nhưng xét nghĩ, nước ta từ trước đến nay chỉ lưu thông hai bản “Sớ sao” và “Yếu giải”, còn “Viên Trung sao” thì chưa được thấy. Mãi đến triều vua Khải Định năm thứ 8, may mắn gặp được Thích giáo Đại Tạng từ Nhật Bản đem về. Xem trong đó, vị chủ khắc là Ngài pháp danh Phổ Tụ tìm được bản “Sao” này, vui mừng khôn xiết, cho là ngọc quý nơi Bảo Sở để lại. Chẳng ngờ đến già mới được thấy của lạ này, liền giục môn nhân xin phép chép lấy, đem về viết ra, khắc ván để lưu thông. Phần thì mở rộng đường lối tu hành của ngài Thiện Đạo, từ đây được đổi mới; phần thì mở pháp môn Bất Tư Nghị của ngài Linh Phong, nhân đây thêm mở rộng. Thực là hiếm có! Rất đáng trân trọng! Vị chủ san ủy thác cho tôi dẫn lời thay Ngài, tôi bèn cầm bút viết bài này. Còn nói là bài tựa thì không dám. Triều vua Khải Định năm thứ 10, tháng 7, ngày tốt. Sa môn pháp danh Thanh Hanh - kế đăng chùa Vĩnh Nghiêm viết lời dẫn này. Ván kinh này để ở chùa Bảo Khâm, làng Tế Xuyên.

Dựa vào phần phương danh cuối quyển hạ xác định người đứng san khắc là Thích Phổ Tụ, trụ trì chùa Bảo Khâm.

- Quy nguyên trực chỉ

Tổng cộng có 151 ván, khổ in 32 x 22,5 cm, đa số khắc cả hai mặt, cộng 295 tờ. Tình trạng ván hơi mòn, cũ. Trước phần phương danh có ghi người san khắc là trụ trì chùa Tế Xuyên Thích Phổ Tụ.

Đầu quyển Thượng có nhiều bài tựa:

Bài tựa Trùng san đề năm Nhâm Tý niên hiệu Duy Tân thứ 8, không ghi tác giả nên chắc của người đứng san khắc là tổ Thích Phổ Tụ. Việc khắc ván ở Tế Xuyên-Bảo Khâm tuy là kế hoạch của trụ trì, nhưng không chỉ là việc riêng của riêng một chùa mà là việc chung của môn phái Tịnh nghiệp Vĩnh Nghiêm dưới sự điều hành của Hòa thượng Tâm Viên, Hòa thượng Chiếu Chí (Thanh Chí) dự định khắc hai bộ Quy nguyên trực chỉ tăng bổ âm nghĩa và Duy thức tam thập luận thích lược mà Hòa thượng Tâm Viên (chùa Vĩnh Nghiêm, người lập ra Vĩnh

Nghiêm Liên Xã) trao cho, nhưng chưa kịp tiến hành đã viên tịch. Đến đầu năm Nhâm Tý (1912), với sự đồng tâm hiệp lực của ba sơn môn Vĩnh Nghiêm, Đa Bảo và Tế Xuyên, ba tập của bộ Quy nguyên đã khắc ván hoàn thành.

- Trùng trị Tì Ni sự nghĩa tập yếu

Tổng số 384 ván, khổ in 31.5 x 21, 604 tờ. Tình trạng ván còn tốt. Phần chính văn đủ 18 quyển, còn quyển thủ được đánh số riêng. Ngoài ra còn có bộ khắc tiếp năm Khải Định thứ 9 (1924) gồm quyển 11 đến 18, chia làm 4 tập, so với bộ trên thì có thêm quyển 18.

Chùa Tế Xuyên có từ quyển 11 đến 18 thuộc bộ khắc tiếp đã nói ở trên, chia thành 4 tập (11-12), (13-15), (16-17), quyển 18 đóng riêng 1 tập. Dựa vào phương danh cuối quyển 10 và 17 thì thấy có hai đợt khắc đợt 1 từ quyển 1 đến quyển 10 và đợt 2 từ quyển 11 đến quyển 18.

Đầu quyển 1 có bài tựa dẫn ghi năm Thành Thái thứ 2 (1890). Sau bài tựa không ghi tên người viết mà chỉ ghi là “thừa mệnh kiểm san... bá dẫn”, như vậy bài tựa dẫn này vốn do đệ tử kiểm tra bản khắc theo mệnh của tôn sư tức bản khắc Trùng Trị đã thực hiện từ thời tôn sư... Bia truyền đăng cũng ghi rõ là Đệ nhị tổ Chiếu Chí san khắc Trùng Trị, sau đó Đệ tam tổ Phổ Tụ san khắc tiếp. Ở phần bạt và phương danh cuối quyển 18 của bộ sách in còn lưu ở chùa Bảo Khâm thì đây là bản in lại từ ván cũ vào năm Khải Định thứ 9 (1924), do kế đăng trụ trì chùa Vĩnh Nghiêm là Sa môn Thanh Hanh viết bạt, thợ khắc là Phạm Văn Thử, Phạm Văn Thi người xã Thanh Liễu và Nguyễn Văn Di người xã Liễu Chàng cùng khắc. Đứng ra san khắc là trụ trì chùa Bảo Khâm khi đó là Đệ Nhị tổ, Diệu Hạnh tháp, tự Chiếu Trí - Thích Không Không tổ sư, đã huy động chư tăng và đồng đạo pháp chúng cùng đóng góp công của để san khắc.

Cuối quyển 10 có phần phương danh cho thấy có một đợt khắc đầu tiên từ quyển 1 đến 10.

Đầu quyển 11 có bài tựa tục khắc của Hòa thượng Thích Thanh Hanh trụ trì chùa Vĩnh Nghiêm năm Khải Định 9 (1924).

Cuối tờ 18 có phần phương danh cho thấy có một đợt khắc tiếp các quyển từ 11 đến 18.

Bài tựa sách Trùng trị Tì Ni sự nghĩa tập yếu Tạng Luật là kỷ cương của Phật pháp, là mạch sống của Tăng già. Tiếc thay vào khoảng đời Nguyên đến đời Minh, Luật học không còn ảnh hưởng. Người có chí thấy vậy đành thở ra, dậm chân tại chỗ. Kẻ không hiểu giếng mối của luật thí tranh nhau truyền bá sai lầm. Đến khi ngài Ngẫu Ích Đại sư xuất hiện, ba lần duyệt Luật tạng, soạn

thành bộ Tập yếu gồm 18 quyển, tóm lược cương lĩnh của Luật học. Đó là “Sơ trị”. Từ đó, đến 13, 14 năm sau, tuy cố gắng nhưng khả năng có hạn, lại không có người để tham vấn, nên không viết thêm được gì. Nhân nghĩ đến số tài liệu đã soạn trước, tuy các điều hay đã thâm nhập vào, nhưng chưa chọn lọc từng vấn đề, và hai tập “vấn biện” cùng “âm nghĩa” vẫn chưa khắc in, chi bằng hội chung với Tập yếu, để người học khỏi phải thấy sự mênh mông như biển cả của Luật học mà than thở. Đó là “Trùng trị”. Và nghĩ rằng hai tập này truyền đến nước ta không biết từ thời nào. Đến khoảng niên đại Tự Đức, nhân lúc thấy tôi hiệu đính bản Tỳ-kheo-ni giới bổn, lại gặp được bản “Sơ trị” của phương Bắc gồm 11 quyển đầu. Sau đó, mặc dù hết sức tìm kiếm nhưng không đủ bộ. May mắn gặp được vật quý giá như vậy làm sao bỏ qua. Thế nên bản phương Bắc đã giao cho Đại đức Phổ Tấn khắc bản. Còn bản phương Nam thì tra cứu lại bản sao lần đầu, hiệu đính lại từng phần, chép thành một bản riêng, ủy thác cho Thanh Chì Cao Thiên thay mặt thầy tôi để khắc lại. Khi ấy, công việc khắc in vừa xong, người phụ trách việc kiểm soát, truyền bá Tỳ-ni vội về nơi an dưỡng. Người chuyên trách việc khắc bản đã cỡi bè giới đến Liên Bang. Than ôi đời mạng pháp nên khiến ra như vậy!

Khởi công khắc bản vào đầu mùa thu năm Ất Dậu (1885), hoàn tất vào cuối mùa hạ năm Canh Dần (1890). Ngày Rằm tháng Sáu năm Thành Thái thứ hai, người vâng lệnh kiểm soát bản khắc, thành kính dâng lễ, thuật lại.

4. Kết luận

Thiền sư Thích Phổ Tự là một trong những nhân vật tiêu biểu của sơn môn Tế Xuyên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, có nhiều đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam nói chung và tổ đình Bảo Khám nói riêng. Trong hơn nửa thế kỷ trụ trì chùa Bảo Khám, Ngài không chỉ chú trọng công cuộc trùng tu, tôn tạo cảnh chùa, mở rộng hệ thống sơn môn mà còn đặc biệt quan tâm đến việc hoằng dương chính pháp, đào tạo tăng tài và lưu truyền kinh sách Phật giáo.

Thông qua các hoạt động san khắc, in ấn và lưu hành kinh sách như bộ Quy nguyên trực chỉ, Trùng trị Tỳ Ni sự nghĩa tập yếu, Di Đà viên trung sao, Tỷ khiêu ni luật chỉ..., Thiền sư Thích Phổ Tự đã góp phần bảo tồn nguồn tư liệu Phật học quý giá, tạo nền tảng cho việc học tập và tu hành của tăng ni, Phật tử đương thời và hậu thế. Những công trình này cho thấy tầm nhìn xa của Ngài trong việc chấn hưng Phật giáo bằng con đường giáo dục và học thuật.

Việc Thiền sư trực tiếp quản lý, khai hóa và kết nối nhiều ngôi chùa trong khu vực như Lương Khê, Nga Khê, Tân Hưng, Tế Cát, Văn Xá, Mai Xá, Cao Đà,

Thượng Nông, Đoàn Bản, Long Khánh... đã khẳng định vai trò trung tâm của sơn môn Tế Xuyên trong mạng lưới Phật giáo Bắc Kỳ thời bấy giờ. Từ đây, ảnh hưởng của tổ đình Bảo Khảm được lan tỏa rộng rãi, góp phần củng cố sinh hoạt Phật giáo truyền thống ở địa phương.

Thiền sư Thích Phổ Tự là hiện thân tiêu biểu của tinh thần “truyền đăng tục diệm”, tiếp nối và phát huy đạo mạch của các thế hệ tiền nhân. Cuộc đời và sự nghiệp của Ngài không chỉ để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử sơn môn Tế Xuyên mà còn góp phần quan trọng vào tiến trình duy trì, phát triển Phật giáo Việt Nam đầu thế kỷ XX. Việc nghiên cứu hành trạng và công lao của Thiền sư hôm nay không chỉ có ý nghĩa bổ sung tư liệu lịch sử Phật giáo địa phương mà còn góp phần khẳng định vai trò của các tổ đình và cao tăng trong công cuộc gìn giữ bản sắc văn hóa, tôn giáo dân tộc.

Tác giả: **Nguyễn Huy Khuyến (1) - Phạm Ngọc Phương Thủy**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Chú thích:

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn

(2) Chùa Hải Yến Hồng Ân thuộc xã Hải Triều, Hưng Yên

(3) Tức năm 1889.

(4) Tức năm 1900.

(5) Chùa Mai Xá ở thị trấn Vĩnh Trụ, từ 1/7/2025 là xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình.

(6) Chùa trước thuộc Nhân Nghĩa, Lý Nhân, từ 1/7/2025 là xã Trần Thương, tỉnh Ninh Bình.

(7) Chùa ở thôn Nga Khê, xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, từ 1/7/2025 là xã Nam Xang, tỉnh Ninh Bình.

(8) Chùa Tân Hưng ở xã Nhân Mỹ, từ 1/7/2025 là xã Nhân Hà, tỉnh Ninh Bình

(9) Còn gọi là chùa Đức Lý ở xã Đức Lý, từ 1/7/2025 là xã Nam Xang, tỉnh Ninh Bình

(10) Chùa Cao Đà còn có tên là chùa Bà Hướng, trước thuộc thôn 8 Cao Đà, xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Nay thuộc xã Nhân Hà, tỉnh Ninh Bình.

(11) Tức năm 1926.

(12) Theo truyền thống Bắc tông (Đại thừa), chư tăng ni bắt đầu An cư từ ngày 16 tháng 4 âm lịch và kết thúc kỳ An cư ngày 15 tháng 7 âm lịch. Sau đó làm lễ Tụ tứ và giải hạ kết thúc mùa An cư.

Tài liệu tham khảo:

1] Thích Đồng Bổn (Chủ biên, 1995), *Tiểu sử Danh tăng Việt Nam thế kỷ XX, tập 1*, Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

2] Trịnh Khắc Mạnh - Nguyễn Văn Nguyên - Phillippe Papin (2005), *(Ban chỉ đạo chương trình), Tổng tập thạc bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam (tập 1)*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

3] Trịnh Khắc Mạnh chủ biên, *Thư mục thạc bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam, tập 1* - Nxb. Văn hóa Thông tin, 2007.

4] Ngô Đức Thọ (2003), *Đồng Khánh địa dư chí*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

5] Thích Đồng Bổn (2017), *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX, tập 1*, Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội.

6] Nguyễn Sỹ Hưng (Thích Quảng Nghĩa, 2014), *Sơn môn Tế Xuyên - Bảo Khám ở Việt Nam: Lịch sử, hiện trạng và vấn đề đặt ra. Luận án Tiến sĩ ngành Tôn giáo học*.

7] Nguyễn Sĩ Hưng, *Về các thế hệ truyền đăng của Sơn môn Tế Xuyên - Bảo Khám ở tỉnh Hà Nam. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3, 195, 2020*.

8] Khoa cúng tổ chùa Bảo Khám, bản chữ Hán còn lưu tại chùa.